SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 1550/KN-YTDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 964

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 1511.18

Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn - Sơn Định
Ngày lấy mẫu : 01/10/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 01/10/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
ĐẾN Số: 719
Ngày 29/10/18
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/10/2018
2	*Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/10/2018
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	2,67 TCU	15 TCU	03/10/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	01/10/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,94 NTU	≤ 2 NTU	01/10/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,45	6,5 – 8,5	01/10/2018
7	Độ cứng tổng tính theo $CaCO_3$	SMEWW 2340 (2012) (a)	46,00 mg/l	≤ 300 mg/l	02/10/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl^--B 2012 (a)	11,00 mg/l	≤ 250 mg/l	02/10/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH MLOD=0,03mg/l	≤ 0,3 mg/l	02/10/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,95 mg/l	≤ 50 mg/l	03/10/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO_2^--B 2012 (a)	KPH MLOD= 0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	03/10/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	5,81 mg/l	≤ 250 mg/l	03/10/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	01/10/2018
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,30 mg/l	0,3 mg/l	02/10/2018
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	01/10/2018

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3554 148 – Fax: 0275 3825 834

SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
Số: 1561/KN-YTDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 964

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 1522.18

Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn - CN Phú Tân
Ngày lấy mẫu : 02/10/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/10/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
ĐẾN Số: 720
Ngày: 29/10/18
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/10/2018
2	*Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/10/2018
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	03/10/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/10/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,39 NTU	≤ 2 NTU	02/10/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,35	6,5 – 8,5	02/10/2018
7	Độ cứng tổng tính theo $CaCO_3$	SMEWW 2340 (2012) (a)	56,00 mg/l	≤ 300 mg/l	03/10/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl^--B 2012 (a)	18,00 mg/l	≤ 250 mg/l	03/10/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,05mg/l	≤ 0,3 mg/l	03/10/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	0,57 mg/l	≤ 50 mg/l	03/10/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO_2^--B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	03/10/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	13,62 mg/l	≤ 250 mg/l	04/10/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	02/10/2018
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,14 mg/l	0,3 mg/l	03/10/2018

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3554 148 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 1522.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;

- Kết quả: KPH: Không phát hiện;

- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;

- (a)Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;

- (b)Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

Bến Tre, ngày 17 tháng 10 năm 2018

KHOA XÉT NGHIỆM

Võ Thị Tiếm

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Phạm Hồng Thái

SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 1562/KN-YTDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 964

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 1523.18

Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Giữa nguồn - Tân Thạch
Ngày lấy mẫu : 02/10/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/10/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/10/2018
2	*Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/10/2018
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	03/10/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/10/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,49 NTU	≤ 2 NTU	02/10/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,21	6,5 – 8,5	02/10/2018
7	Độ cứng tổng tính theo $CaCO_3$	SMEWW 2340 (2012) (a)	54,00 mg/l	≤ 300 mg/l	03/10/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl^--B 2012 (a)	17,00 mg/l	≤ 250 mg/l	03/10/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,15mg/l	≤ 0,3 mg/l	03/10/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	0,11 mg/l	≤ 50 mg/l	03/10/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO_2^--B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	03/10/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	12,72 mg/l	≤ 250 mg/l	04/10/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	02/10/2018
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,04 mg/l	0,3 mg/l	03/10/2018
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	01/10/2018

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3554 148 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 1524.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;

- Kết quả: KPH: Không phát hiện;

- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;

- (a)Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;

- (b)Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Võ Thị Tiếm

Bến Tre, ngày 17 tháng 10 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Phạm Hồng Thái

SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 1553/KN-YTDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 964

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 1514.18

Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước An Hiệp
Ngày lấy mẫu : 01/10/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 01/10/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
ĐẾN Số: 721
Ngày 29/10/18
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/10/2018
2	*Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/10/2018
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	03/10/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	01/10/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,35 NTU	≤ 2 NTU	01/10/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,19	6,5 – 8,5	01/10/2018
7	Độ cứng tổng tính theo $CaCO_3$	SMEWW 2340 (2012) (a)	60,00 mg/l	≤ 300 mg/l	02/10/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl^--B 2012 (a)	15,50 mg/l	≤ 250 mg/l	02/10/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,09 mg/l	≤ 0,3 mg/l	02/10/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,05 mg/l	≤ 50 mg/l	03/10/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO_2^--B 2012 (a)	KPH MLOD= 0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	03/10/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	20,09 mg/l	≤ 250 mg/l	03/10/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	01/10/2018
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,09 mg/l	0,3 mg/l	02/10/2018
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	01/10/2018

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3554 148 – Fax: (0275) 3825 834

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;

- Kết quả: KPH: Không phát hiện;

- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;

- (a)Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;

- (b)Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Võ Thị Tiếm

Bến Tre, ngày 16 tháng 10 năm 2018

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Nguyễn Hữu Định

SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 1549/KN-YTDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 964

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 1510.18

Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn - Sơn Đông
Ngày lấy mẫu : 01/10/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 01/10/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/10/2018
2	*Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/10/2018
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	03/10/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	01/10/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,90 NTU	≤ 2 NTU	01/10/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	6,95	6,5 – 8,5	01/10/2018
7	Độ cứng tổng tính theo $CaCO_3$	SMEWW 2340 (2012) (a)	56,00 mg/l	≤ 300 mg/l	02/10/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl^--B 2012 (a)	27,00 mg/l	≤ 250 mg/l	02/10/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe^{2+} + Fe^{3+})	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH MLOD=0,03mg/l	≤ 0,3 mg/l	02/10/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,37 mg/l	≤ 50 mg/l	03/10/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO_2^--B 2012 (a)	KPH MLOD= 0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	03/10/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	13,18 mg/l	≤ 250 mg/l	03/10/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,70 mg/l	≤ 2 mg/l	01/10/2018
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,16 mg/l	0,3 mg/l	02/10/2018
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	01/10/2018

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3554 148 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 1564/KN-YTDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 964

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 1525.18

Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Phường 2 – Bờ hồ
Ngày lấy mẫu : 02/10/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/10/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/10/2018
2	*Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/10/2018
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	9,33 TCU	15 TCU	03/10/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/10/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	1,15 NTU	≤ 2 NTU	02/10/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,20	6,5 – 8,5	02/10/2018
7	Độ cứng tổng tính theo $CaCO_3$	SMEWW 2340 (2012) (a)	56,00 mg/l	≤ 300 mg/l	03/10/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl^--B 2012 (a)	31,00 mg/l	≤ 250 mg/l	03/10/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH MLOD=0,03mg/l	≤ 0,3 mg/l	03/10/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	0,63 mg/l	≤ 50 mg/l	03/10/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO_2^--B 2012 (a)	KPH MLOD= 0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	03/10/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	17,88 mg/l	≤ 250 mg/l	03/10/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,70 mg/l	≤ 2 mg/l	02/10/2018
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	03/10/2018

Mã số mẫu: 1525.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;

- Kết quả: KPH: Không phát hiện;

- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;

- (a)Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;

- (b)Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Võ Thị Tiếm

Bến Tre, ngày 16 tháng 10 năm 2018

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Nguyễn Hữu Định

SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 1565/KN-YTDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 964

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 1526.18

Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà trẻ Hùng Vương
Ngày lấy mẫu : 02/10/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/10/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/10/2018
2	*Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/10/2018
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	9,33 TCU	15 TCU	03/10/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/10/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,84 NTU	≤ 2 NTU	02/10/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,45	6,5 – 8,5	02/10/2018
7	Độ cứng tổng tính theo $CaCO_3$	SMEWW 2340 (2012) (a)	56,00 mg/l	≤ 300 mg/l	03/10/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl^--B 2012 (a)	29,50 mg/l	≤ 250 mg/l	03/10/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,08mg/l	≤ 0,3 mg/l	03/10/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,15 mg/l	≤ 50 mg/l	03/10/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO_2^--B 2012 (a)	< 0,03 mg/l MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	03/10/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	16,90 mg/l	≤ 250 mg/l	03/10/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,06 mg/l	≤ 2 mg/l	02/10/2018
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	03/10/2018

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3554 148 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 1526.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;

- Kết quả: KPH: Không phát hiện;

- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;

- (a)Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;

- (b)Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Võ Thị Tiếm

Bến Tre, ngày 16 tháng 10 năm 2018

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Nguyễn Hữu Định